

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm từ lúc mở cửa phiên sáng. Lực cầu bắt đáy xuất hiện khi chỉ số lùi về quanh ngưỡng 1,635 giúp chỉ số hồi phục về ngưỡng 1,650. Tuy nhiên, áp lực bán tại đây một lần nữa và đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,624.53 điểm, giảm -42.44 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng trên sàn HNX. VN-Index đã giảm xuống dưới ngưỡng SMA10 và SMA20; trong những phiên tới, chỉ số có thể giảm tiếp xuống vùng 1,600 – 1,610, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-42.44** điểm, đóng cửa tại **1624.53** điểm. HNX-Index **-9.10** điểm, đóng cửa tại **271.57** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SJS (+0.22)**, **HPG (+0.19)**, **DXG (+0.06)**, **IMP (+0.06)**, **BMP (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.27)**, **VPB (-4.08)**, **TCB (-2.46)**, **BID (-2.12)**, **BSR (-1.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **49,261** tỷ đồng, tăng **3.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 53,238 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 44.04 điểm. Thị trường có **56** mã tăng, 35 mã tham chiếu, **285** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **966.21** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (306.90 tỷ)**, **SSI (287.14 tỷ)**, **CTG (146.06 tỷ)**, **SHB (132.04 tỷ)**, **VPB (93.61 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.97** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-3.34%**. Các mã diễn biến tích cực:
HPG (+0.35%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-2.96%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+1.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
ANV (+1.65%) [\(Link báo cáo\)](#)
NKG (+1.40%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-3.34%	-2.96%	-2.55%	-2.07%
1 tuần	0.13%	1.02%	-3.43%	-3.12%
1 tháng	4.20%	3.00%	2.50%	4.52%
3 tháng	25.45%	27.86%	23.42%	28.64%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,624.53	271.57	110.12
% 1D	-2.55%	-3.24%	-1.52%
GTKL (tỷ VND)	49,261	3,896	933
%1D	3.58%	-7.84%	-21.79%
GDNN (tỷ VND)	966.21	-17.97	6.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	306.90	GEX	-102.26
SSI	287.14	VIX	-91.65
CTG	146.06	NVL	-69.94
SHB	132.04	VCB	-67.34
VPB	93.61	PDR	-59.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,482	-0.32%	-0.31%
FTSE100	9,218	0.11%	0.24%
Eurostoxx	5,341	0.48%	-0.37%
Shanghai	3,827	0.38%	-1.26%
Nikkei	43,644	1.45%	3.62%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

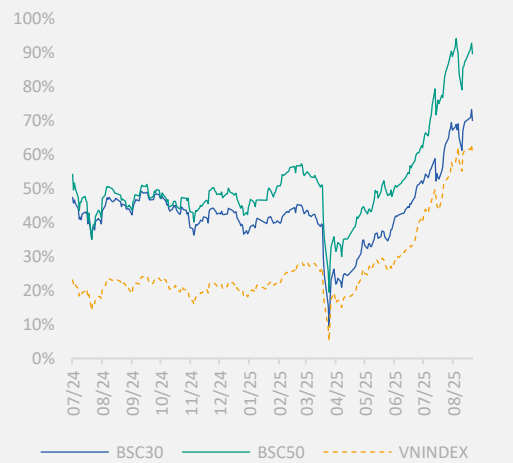
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.80	-0.59%
Giá vàng	3,612	4.64%

Tỷ giá		
USD/VND	26,497	-0.05%
EUR/VND	31,711	0.48%
JPY/VND	182	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.03%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

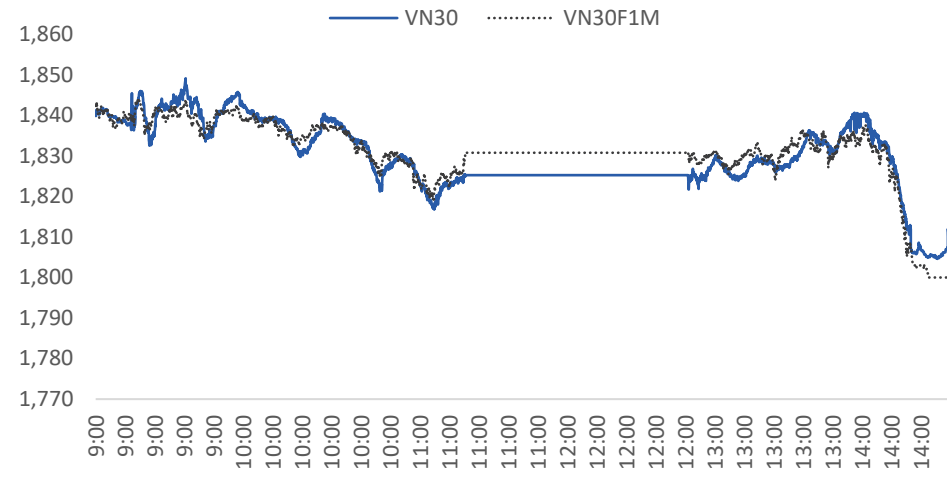
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1800.00	-2.44%	333,973	14.7%	18/09/2025	10
41I1FA000	1798.00	-2.81%	2,508	48.2%	16/10/2025	38
VN30F2512	1785.00	-2.46%	247	50.6%	18/12/2025	101
41I1G3000	1780.00	-2.48%	160	86.05%	19/03/2026	192

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -38.26 điểm, đóng cửa tại 1807.22 điểm. Biên độ dao động 44.52 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, LPB, HDB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Chỉ số kết phiên giảm hơn 2%. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2509	19/11/2025	72	1,200	28.01%	120.74	450	9.8%	0.03	130.45	101.90	101.90
CVNM2509	23/02/2026	168	186,200	23.16%	69.54	660	8.2%	0.16	74.64	60.60	60.60
CHPG2512	19/09/2025	11	360,800	-0.05%	24.89	1,200	8.1%	1.22	28.89	28.90	28.90
CTCB2504	9/01/2026	123	138,800	3.79%	24.50	2,490	7.8%	2.32	39.44	38.00	38.00
CHPG2508	23/10/2025	45	36,600	3.61%	22.48	4,480	6.2%	3.94	29.94	28.90	28.90
CVNM2508	19/11/2025	72	52,800	16.66%	67.61	400	5.3%	0.06	70.70	60.60	60.60
CSSB2502	19/09/2025	11	149,000	12.05%	21.23	280	3.7%	0.01	22.35	19.95	19.95
CVNM2519	4/05/2026	238	92,000	27.72%	69.00	840	3.7%	0.20	77.40	60.60	60.60
CVIB2509	3/12/2025	86	19,200	12.32%	18.39	1,480	3.5%	0.90	23.59	21.00	21.00
CHPG2528	23/02/2026	168	1,549,900	13.29%	30.00	1,370	2.2%	1.23	32.74	28.90	28.90
CVJC2505	3/03/2026	176	122,800	7.87%	106.87	2,310	2.2%	1.89	153.07	141.90	141.90
CHPG2523	23/06/2026	288	132,000	9.93%	24.15	3,050	1.7%	2.69	31.77	28.90	28.90
CVJC2503	19/09/2025	11	54,000	-0.63%	110.00	3,100	1.6%	3.21	141.00	141.90	141.90
CHPG2516	23/02/2026	168	437,600	12.35%	27.57	1,470	1.4%	1.10	32.47	28.90	28.90
CMWG2509	15/12/2025	98	315,600	4.90%	53.73	3,030	1.0%	2.67	77.62	74.00	74.00
CVIB2510	3/03/2026	176	19,200	15.13%	19.22	1,410	0.7%	0.91	24.18	21.00	21.00
CSTB2511	19/12/2025	102	1,300	6.44%	45.00	3,120	0.6%	2.62	57.48	54.00	54.00
CHPG2406	28/10/2025	50	3,324,200	1.54%	23.32	1,810	0.6%	1.74	29.34	28.90	28.90
CVIC2505	19/09/2025	11	100	2.84%	55.56	14,600	0.3%	13.90	128.56	125.00	125.00
CFPT2508	5/02/2026	150	1,100	40.77%	137.99	790	0.0%	0.07	143.44	101.90	101.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 08/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2509 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 9.76%. CHPG2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.67%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVHM2408, CVIC2509, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	28.90	0.35%	0.63

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	31.20	-6.87%	-6.77
TCB	38.00	-3.80%	-4.06
LPB	42.80	-3.71%	-3.26
HDB	30.90	-4.33%	-2.54
STB	54.00	-3.57%	-2.50

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJS	73.80	4.09%	0.22	0.30
HPG	28.90	0.35%	0.19	7.68
DXG	22.55	1.12%	0.06	1.02
IMP	55.40	2.97%	0.06	0.15
BMP	152.60	1.80%	0.05	0.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HGM	308.00	2.63%	0.07	0.01
PGS	45.00	3.21%	0.05	0.05
L40	45.80	9.83%	0.03	0.01
GDW	43.60	9.55%	0.03	0.01
INN	61.40	3.19%	0.02	0.02

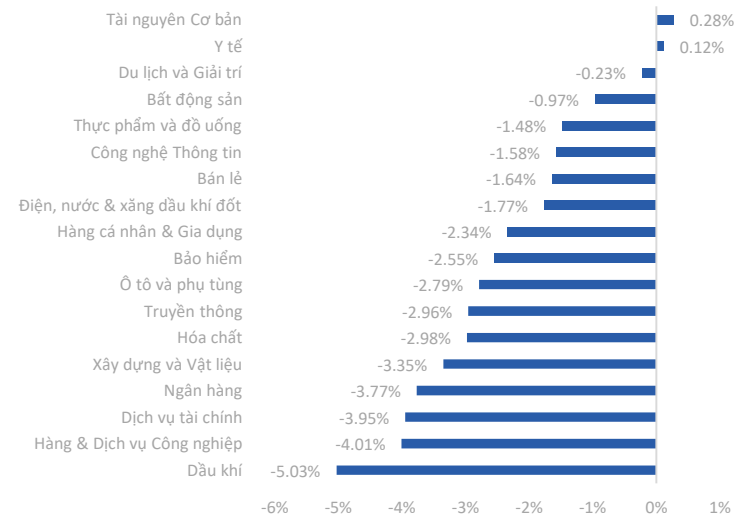
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	7.95	7.00%	0.01	0.05
SVC	33.65	7.00%	0.04	0.04
SMC	13.35	6.80%	0.02	2.39
TN1	15.90	6.71%	0.02	0.17
CLW	54.40	6.04%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	45.80	9.83%	0.20	0.30
SFN	25.80	9.79%	0.03	0.00
GDW	43.60	9.55%	0.16	0.00
NAP	13.00	8.33%	0.10	0.00
DC2	7.00	7.69%	0.02	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	65.30	-3.26%	-4.27	8.36
VPB	31.20	-6.87%	-4.08	7.93
TCB	38.00	-3.80%	-2.46	7.09
BID	40.65	-3.10%	-2.12	7.02
BSR	25.45	-6.61%	-1.25	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	25.30	-6.30%	-1.01	0.89
MBS	36.30	-5.71%	-0.84	0.57
CEO	23.70	-8.14%	-0.74	0.54
NVB	15.20	-4.40%	-0.55	1.17
KSV	154.00	-2.53%	-0.55	0.20

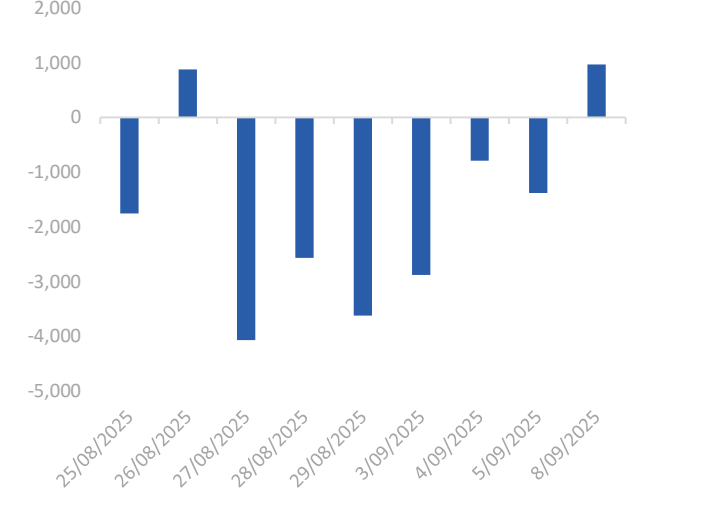
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CIG	9.04	-7.00%	-0.01	0.28
HAG	15.35	-6.97%	-0.27	28.36
EIB	26.75	-6.96%	-0.82	38.12
TNI	3.88	-6.95%	0.00	1.55
VIX	33.50	-6.94%	-0.84	54.23

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJ1	13.00	-9.72%	-0.22	0.00
TIG	9.40	-9.62%	-0.72	5.87
HDA	5.70	-9.52%	-0.06	0.08
QHD	25.80	-9.47%	-0.07	0.00
EVS	7.70	-9.41%	-0.49	1.61

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	74.0	-1.3%	1.3	109,406	1085.5	3,304	22.4	84,700	48.0%	Link
KBC	Bất động sản	39.0	-5.2%	1.7	36,728	631.2	1,835	21.3	-	13.8%	Link
KDH	Bất động sản	34.8	-1.8%	1.2	39,053	259.6	717	48.6	39,900	31.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.4	-6.8%	1.6	22,928	1204.6	177	132.5	28,200	11.0%	Link
VHM	Bất động sản	100.0	0.0%	1.0	410,741	459.1	6,984	14.3	92,000	10.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.9	-1.5%	1.1	173,587	1462.0	5,092	20.0	118,700	37.3%	Link
BSR	Dầu khí	25.5	-6.6%	0.0	78,908	401.1	(16)	(1,582)	23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.7	-4.0%	1.3	16,107	191.7	2,644	12.8	42,800	11.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.5	-3.5%	1.6	29,699	833.6	1,107	24.8		38.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.2	-0.7%	1.4	83,452	2941.5	1,575	25.5		38.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.1	-6.4%	1.3	31,108	958.6	1,369	31.5		28.4%	
DCM	Hóa chất	37.7	-4.6%	1.6	19,958	198.4	3,186	11.8	47,300	6.8%	Link
DGC	Hóa chất	96.2	-1.7%	1.3	36,535	222.5	8,175	11.8	109,300	13.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.6	-2.2%	0.9	136,378	776.4	3,305	8.0	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.7	-3.1%	1.0	285,418	374.5	3,683	11.0	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	49.5	-1.6%	0.9	265,815	734.2	5,608	8.8	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	30.9	-4.3%	1.1	107,997	977.5	4,075	7.6	30,800	17.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.7	-2.6%	1.0	215,068	1840.9	3,046	8.8	32,000	22.7%	Link
MSB	Ngân hàng	13.9	-6.1%	1.2	43,212	514.6	1,634	8.5	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	54.0	-3.6%	0.9	101,802	829.4	6,148	8.8		19.3%	
TCB	Ngân hàng	38.0	-3.8%	1.2	269,277	1288.2	3,018	12.6	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.4	-6.1%	1.2	51,122	1079.8	2,423	8.0	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	65.3	-3.3%	0.6	545,626	746.9	4,148	15.7	75,700	21.8%	Link
VIB	Ngân hàng	21.0	-5.6%	0.9	71,484	614.8	2,218	9.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.2	-6.9%	1.2	247,538	2001.1	2,193	14.2	26,500	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.9	0.4%	1.0	221,821	4141.1	1,750	16.5	34,300	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	20.0	-1.2%	1.1	12,420	451.5	751	26.6	23,800	10.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.9	-3.1%	1.4	10,353	228.9	4,124	6.5	31,700	3.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	-2.4%	1.4	117,119	1167.0	1,861	43.5	92,700	25.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.6	-0.5%	0.4	126,651	437.9	4,101	14.8	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.3	-4.18%	1.6	9,052	94.0	2,216	18.6	22.3%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	130.0	-1.37%	0.9	22,139	61.4	3,163	41.1	31.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.9	-2.74%	1.2	42,238	39.8	3,294	17.3	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	24.0	-5.51%	1.3	15,514	1001.1	211	113.5	7.0%	1.8%	
DXG	Bất động sản	22.6	1.12%	1.2	22,976	876.5	350	64.5	25.9%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	33.6	-6.54%	1.1	5,993	357.4	482	69.8	6.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	29.2	-6.41%	1.5	10,803	238.7	540	54.1	18.3%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.4	-3.64%	1.3	16,091	216.3	3,977	10.7	16.6%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	41.5	-5.25%	1.4	15,981	187.6	1,709	24.3	46.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	59.5	-2.62%	1.3	14,406	59.3	5,215	11.4	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.6	-1.42%	1.3	6,228	47.9	1,978	17.5	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.5	-6.54%	1.6	18,633	447.6	1,107	19.4	10.6%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	125.0	0.00%	1.1	481,627	277.7	3,487	35.9	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.3	0.00%	1.3	68,851	127.4	1,937	15.6	17.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	-2.93%	1.2	8,406	37.1	1,701	23.3	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.5	-3.01%	0.9	45,106	112.3	1,661	21.4	16.2%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.2	-1.99%	1.3	12,341	228.1	1,428	15.5	3.9%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.5	-3.47%	1.6	12,994	162.4	1,348	27.8	25.1%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.3	-5.71%	1.9	20,792	409.4	1,554	23.4	5.8%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.6	-1.88%	0.8	151,051	82.2	5,002	12.5	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	-5.88%	1.0	35,596	343.6	636	23.9	2.8%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	-0.60%	0.9	36,183	94.1	4,417	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	141.9	-0.07%	0.8	83,950	331.4	3,427	41.4	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.2	-6.86%	1.3	45,300	749.4	1,736	28.9	6.8%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.2	-0.45%	1.1	27,817	220.6	3,826	17.3	41.7%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.8	-1.53%	1.1	9,760	152.2	5,700	10.1	5.9%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-2.45%	1.3	8,412	74.0	2,306	7.8	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.3	-3.40%	0.0	12,093	52.6	3,317	29.9	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.8	-2.75%	1.0	28,654	64.3	6,115	13.9	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.9	-2.61%	1.0	3,350	54.3	2,693	11.1	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.8	-4.81%	1.1	2,428	34.4	2,841	7.0	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.5	-2.93%	1.5	18,018	115.1	957	27.7	7.1%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.8	-3.36%	2.0	115,200	137.0	1,331	21.6	0.5%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.8	-6.96%	0.9	49,828	1067.6	1,783	15.0	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	42.8	-3.71%	0.7	127,856	154.7	3,324	12.9	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.5	-2.52%	0.0	26,593	60.7	2,260	6.9	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.0	-5.80%	0.9	34,620	174.0	1,130	11.5	19.6%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	18.2	1.40%	1.0	8,123	793.8	666	27.3	8.1%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.8	1.65%	1.7	7,402	153.0	1,871	14.9	3.5%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-1.59%	0.8	10,367	108.5	1,981	17.2	2.9%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.8	-1.06%	1.1	60,024	45.1	3,185	14.7	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.1	-0.17%	1.3	13,041	120.2	6,444	9.0	19.8%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	152.6	1.80%	0.9	12,492	42.0	13,894	11.0	85.2%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.0	-3.23%	1.2	7,607	50.1	4,512	16.6	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.5	-3.63%	1.4	10,009	42.7	4,930	17.8	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.1	-4.43%	1.2	4,239	112.8	2,518	16.7	1.6%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-3.91%	1.5	7,337	230.7	1,077	13.7	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.8	-4.28%	1.3	9,209	257.2	1,189	21.7	14.9%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.2	-2.70%	1.2	16,291	391.2	1,195	21.1	8.5%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	57.7	-6.94%	1.4	25,870	114.5	3,343	17.3	6.0%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>